

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 239/2024/DS-ST

Ngày: 29-7-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

Ông Võ Thanh Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số B, đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L: Ông Nguyễn Hoàng Trung N - Chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản. (Theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đ).

Địa chỉ liên hệ: Lầu 2, số B, đường L, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Trung N: Ông Nguyễn Trọng N1 - Chức vụ: Giám đốc khách hàng cá nhân và ông Phan Huỳnh Bá H - Chức vụ: Chuyên viên QLKH. (Theo Giấy ủy quyền số 1813/UQ-PVB ngày 27/3/2024). (Ông H có mặt).

Cùng địa chỉ: Lầu F, tòa nhà P, số A đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thư T, sinh năm 1973. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số C Lô E, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số F, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Bá H trình bày:

Ngày 23/7/2016, Ngân hàng và bà T có ký hợp đồng tín dụng số 232/2016/HĐTD/PVB-CN.LX, số tiền vay: 60.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn vay: 60 tháng. Trong quá trình vay vốn, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 37.000.000 đồng, tiền lãi: 20.634.182 đồng thì không tiếp tục thanh toán. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thư T trả số tiền tạm tính đến hết ngày 17/01/2024 là 48.083.067 đồng bao gồm nợ gốc là 23.000.000 đồng và nợ lãi là 25.083.067 đồng.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thư T phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 18/01/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Nếu bà Nguyễn Thị Thư T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và lãi nêu trên thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thư T để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện “*Nếu bà Nguyễn Thị Thư T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và lãi nêu trên thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thư T để thu hồi nợ*”. Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu, tính đến ngày xét xử (ngày 29/7/2024), bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 52.270.170 đồng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thư T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp của bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi chậm trả.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả tiền vốn gốc còn lại 23.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 3.888.441 đồng, lãi quá hạn 21.427.073 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/7/2024. Bà T còn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn phát sinh sau ngày 29/7/2024 đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng Trung N - Chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản (theo Giấy uỷ quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đ). Ông Nguyễn Hoàng Trung N ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng N1 - Chức vụ: Giám đốc khách hàng cá nhân và ông Phan Huỳnh Bá H - Chức vụ: Chuyên viên QLKH (theo Giấy uỷ quyền số 1813/UQ-PVB ngày 27/3/2024).

Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Ngân hàng khởi kiện bà T yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 232/2016/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 23/7/2016. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T. Bà T có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T. Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 05/6/2024 thì bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số C Lô E, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang sau đó bán nhà chuyển đến địa chỉ số F, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Như vậy, tại đơn khởi kiện Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của bà T theo Hợp đồng tín dụng số 232/2016/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 23/7/2016. Hiện nay bà T không thông báo về việc thay đổi địa chỉ là cố tình giấu

địa chỉ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt.

Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về nội dung:

[5] Tại phiên tòa, ông H là người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện *“Nếu bà Nguyễn Thị Thu T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và lãi nêu trên thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu T để thu hồi nợ”*. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện, phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét thấy Hợp đồng tín dụng số 232/2016/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 23/7/2016 giữa Ngân hàng và bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng theo quy định tại các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án

[7] Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc 23.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.888.441 đồng, lãi quá hạn 21.427.073 đồng (tính đến ngày 10/7/2024) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2024) buộc bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[8] Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả 3.954.656 đồng, nhận thấy Hợp đồng tín dụng giữa các bên được ký ngày 23/7/2016. Căn cứ Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi quá hạn theo*

lãi suất cơ bản do Ngân hàng N2 công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.

Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

“1. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng”.

Như vậy, căn cứ theo các quy định nêu trên khi không thanh toán khoản vay thì bên vay phải chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, việc Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi chậm trả là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 48.315.514 đồng, trong đó nợ gốc 23.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.888.441 đồng, lãi quá hạn 21.427.073 đồng. Không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền lãi chậm trả 3.954.656 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả 3.954.656 đồng không được chấp nhận, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tổng số tiền 48.315.514 đồng cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, Khoản 5 Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thư T để thu hồi nợ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thư T thanh toán tiền lãi chậm trả 3.954.656 đồng (*Ba triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi sáu đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Thư T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 48.315.514 đồng (*Bốn mươi tám triệu, ba trăm mười lăm nghìn, năm trăm mười bốn đồng*), trong đó nợ gốc 23.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.888.441 đồng, lãi quá hạn 21.427.073 đồng (tính đến ngày 29/7/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 232/2016/HĐTD/PVB-CN.LX ngày 23/7/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thư T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thư T phải chịu 2.415.776 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*Hai triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.202.077 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002023 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại 902.077 đồng (*Chín trăm lẻ hai nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên